

Số: 66 /BC-UBND

Kiên Giang, ngày 04 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO

**Tình hình thực hiện Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện
Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững
trên địa bàn tỉnh Kiên Giang năm 2020**

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Thực hiện Quyết định số 622/QĐ-TTg ngày 10/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững, UBND tỉnh báo cáo kết quả nổi bật như sau:

I. TÌNH HÌNH TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG QUỐC GIA THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH NGHỊ SỰ 2030

Thực hiện Quyết định số 622/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 20/5/2019 của Thủ tướng Chính phủ về phát triển bền vững, UBND tỉnh Kiên Giang đã ban hành Kế hoạch số 124/KH-UBND ngày 25/7/2018 về việc thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

UBND tỉnh đã chỉ đạo các Sở, ban ngành cấp tỉnh và UBND các huyện, thành phố theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao triển khai thực hiện Kế hoạch số 124/KH-UBND và lồng ghép các mục tiêu phát triển bền vững vào quy hoạch, kế hoạch phát triển chung của ngành và địa phương. Việc cụ thể hóa cơ chế, các chính sách, pháp luật và được triển khai thực hiện nghiêm túc đã góp phần nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động về cơ chế, chính sách và các quy định của pháp luật, tạo điều kiện thuận lợi để người dân tiếp cận được các chính sách của Nhà nước và tuân thủ các quy định của pháp luật; nhận thức của Nhân dân về phát triển bền vững được nâng lên.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

1. Chấm dứt mọi hình thức nghèo ở mọi nơi

Thực hiện tốt các dự án thuộc chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững; công tác giảm nghèo, an sinh xã hội cơ bản được đảm bảo, đời sống Nhân dân tiếp tục được cải thiện. Thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng các mô hình giảm nghèo bền vững; trong năm, đã xây dựng nhà ở cho 659 hộ nghèo với tổng kinh phí 19,7 tỷ đồng, qua đó, tạo điều kiện cho

các hộ nghèo ở nông thôn có nhà ở an toàn, ổn định, giúp cho các hộ nghèo yên tâm lao động sản xuất, phát triển kinh tế vươn lên thoát nghèo, giảm tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều còn 1,91% (giảm 1,09% so với kế hoạch và giảm 0,78% so với cùng kỳ); giảm tỷ lệ hộ cận nghèo còn 4,21% (giảm 0,38% so với cùng kỳ).

Công tác giảm nghèo trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được các cấp, các ngành quan tâm thực hiện có hiệu quả. Thăm, tặng quà cho các hộ gia đình chính sách, các vị chức sắc, chức việc, người có uy tín, hộ nghèo nhân các dịp lễ, Tết; kịp thời hỗ trợ hộ nghèo, các hộ bị thiên tai, các đối tượng bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19. Hạ tầng kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số tiếp tục được đầu tư xây dựng; các chính sách giáo dục, đào tạo, y tế trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số tiếp tục được quan tâm và chú trọng đầu tư, qua đó, diện mạo nông thôn vùng dân tộc thiểu số ngày càng khởi sắc, đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào dân tộc thiểu số không ngừng được cải thiện. Giảm tỷ lệ hộ nghèo dân tộc thiểu số còn 3,4% (giảm 1,3% so với cùng kỳ); giảm tỷ lệ hộ cận nghèo dân tộc thiểu số còn 6,45% (giảm 0,78% so với cùng kỳ).

2. Xóa đói, bảo đảm an ninh lương thực, cải thiện dinh dưỡng và thúc đẩy phát triển nông nghiệp bền vững

Tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe, cải thiện dinh dưỡng trong Nhân dân. Tình trạng suy dinh dưỡng ở trẻ em được cải thiện, tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng giảm còn 12,4% (tăng 0,4% so với kế hoạch và giảm 0,2% so với cùng kỳ).

Năm 2020, sản xuất ngành nông nghiệp gặp rất nhiều khó khăn do ảnh hưởng của hạn hán, xâm nhập mặn, dịch bệnh, nhất là dịch Covid-19. Tuy nhiên, tỉnh đã quan tâm chỉ đạo sát sao, tiếp tục thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững gắn với xây dựng nông thôn mới; đẩy mạnh áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật và cơ giới hóa giúp giảm chi phí đầu vào, tiết kiệm thời gian, giá bán nông sản tăng; thủy sản phát triển thuận lợi, đảm bảo nguồn cung dồi dào và giá bán ổn định; qua đó góp phần ổn định tình hình phát triển sản xuất nông nghiệp, duy trì tăng trưởng và chuyển dịch đúng hướng. Trong năm, đã tổ chức 113 lớp đào tạo nghề cho lao động nông thôn với 3.322 học viên, trong đó có 3.278 học viên đã có việc làm sau khi học xong góp phần nâng cao thu nhập của người dân.

3. Bảo đảm cuộc sống khỏe mạnh và tăng cường phúc lợi cho mọi người ở mọi lứa tuổi

Công tác chăm sóc sức khỏe, khám, chữa bệnh đảm bảo tốt nhu cầu của Nhân dân với nhiều kỹ thuật mới, kỹ thuật chuyên sâu được thực hiện; quy trình, thủ tục khám chữa bệnh được cải tiến; chất lượng dịch vụ y tế được nâng lên, cơ bản đáp ứng được nhu cầu điều trị cho Nhân dân trên địa bàn theo phân tuyến, phân hạng của từng bệnh viện. Tỷ lệ khám chữa bệnh đạt 14%; có 8,95 bác sĩ/vạn dân (tăng



0,02 bác sĩ/vạn dân so với cùng kỳ) và 30,83 giường bệnh/vạn dân (tăng 0,78 giường bệnh/vạn dân so với cùng kỳ). Nâng cao chất lượng dân số, kế hoạch hóa gia đình; tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người cao tuổi; tăng cường công tác chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em, tỷ suất chết mẹ liên quan đến thai sản/100.000 trẻ đẻ sống là 3,5‰; tỷ suất tử vong trẻ em dưới 1 tuổi/1.000 trẻ đẻ sống là 3,85‰ (giảm 8,65‰ so với kế hoạch và giảm 8,05‰ so với cùng kỳ); tỷ suất tử vong trẻ em dưới 5 tuổi/1.000 trẻ đẻ sống là 4,2‰ (giảm 14,2‰ so với kế hoạch và giảm 13,6‰ so với cùng kỳ). Tuyên truyền, nâng cao nhận thức của giới trẻ, giảm tỷ lệ có thai ngoài ý muốn ở độ tuổi vị thành niên; tỷ lệ sử dụng biện pháp tránh thai đạt 76% (giảm 0,89% so với cùng kỳ); hỗ trợ phụ nữ nghèo là người dân tộc thiểu số sinh con đúng chính sách dân số (2 triệu đồng/01 đối tượng) theo Nghị định 39/2015/NĐ-CP ngày 27/4/2015 của Chính phủ.

Công tác y tế dự phòng được tăng cường. Mặc dù tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp, nhất là dịch Covid-19, nhưng với tinh thần chủ động, phối hợp chặt chẽ trong phòng chống dịch bệnh, trong năm không có dịch bệnh lớn xảy ra, các dịch bệnh nguy hiểm đều giảm so với cùng kỳ. Chương trình phòng, chống HIV/AIDS và các bệnh xã hội, bệnh nguy hiểm cho cộng đồng như: phong, lao, sốt rét, tâm thần,... được quan tâm chỉ đạo. Có 100% xã, phường, thị trấn tổ chức các hoạt động truyền thông về phòng, chống HIV/AIDS; phát hiện mới 336 ca HIV dương tính (tăng 223 người so với kế hoạch, tăng 43 người so với cùng kỳ), trong đó, có 300 người điều trị ARV; số bệnh nhân lao mới phát hiện là 2.628 người (tăng 96 người so với cùng kỳ). Tăng cường quản lý, giáo dục, chữa bệnh và dạy nghề cho các đối tượng tại Cơ sở cai nghiện ma túy đa chức năng, góp phần giúp người sau cai nghiện trở về tái hòa nhập cộng đồng, ổn định cuộc sống.

Công tác đảm bảo trật tự an toàn giao thông thường xuyên được tăng cường, đạt những kết quả tích cực; tai nạn giao thông giảm sâu cả 03 tiêu chí về số vụ tai nạn giao thông, số người bị thương và số người chết so với cùng kỳ. Từ ngày 15/12/2019 đến ngày 14/11/2020, toàn tỉnh xảy ra 109 vụ (giảm 73 vụ so với kế hoạch và giảm 23 vụ so với cùng kỳ), chết 65 người (giảm 14 người so với cùng kỳ), bị thương 69 người (giảm 21 người so với cùng kỳ).

4. Đảm bảo nền giáo dục có chất lượng, công bằng, toàn diện và thúc đẩy các cơ hội học tập suốt đời cho tất cả mọi người

Tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, đổi mới công tác quản lý, phương pháp giảng dạy, phát triển đội ngũ giáo viên. Rà soát sắp xếp, củng cố mạng lưới trường, lớp và nâng cao chất lượng hoạt động đáp ứng nhu cầu học tập của học sinh các cấp. Có 145/145 xã, phường, thị trấn duy trì kết quả đạt chuẩn phổ cập mầm non trẻ 5 tuổi; tỷ lệ trẻ 3-5 tuổi đi học mẫu giáo đạt 56,65% (giảm 8,35% so với kế hoạch và giảm 11,15% so với cùng kỳ); tỷ lệ học sinh 6-14 tuổi đi học so với độ tuổi đạt 97,01% (tăng 0,95% so với cùng kỳ). Tỷ lệ học sinh tiểu học bỏ học đạt 0,57% (tăng 0,22% so với kế hoạch và tăng 0,11% so với cùng kỳ); tỷ

lệ học sinh trung học cơ sở bỏ học đạt 2,13% (tăng 0,13% so với kế hoạch và tăng 0,27% so với cùng kỳ); toàn tỉnh hiện có 297 trường đạt chuẩn quốc gia, đạt tỷ lệ 47,52%, tăng 20 trường so với năm học trước.

Thực hiện cuộc vận động “Ngày toàn dân đưa trẻ đến trường”, cùng nhiều giải pháp tích cực tạo điều kiện để các em vùng dân tộc, có hoàn cảnh khó khăn được đến trường; đồng thời tất cả trẻ em đến trường thuộc diện chính sách, hộ nghèo, khó khăn được hưởng chế độ miễn, giảm học phí, được hỗ trợ học tập theo quy định. Toàn tỉnh có 24.698 em học sinh dân tộc đang học tại các trường tiểu học (chiếm tỷ lệ 14,9% so với tổng số học sinh tiểu học), trong đó, có 4.135 học sinh dân tộc được học tiếng dân tộc. Hiện có 445 trẻ em khuyết tật được tiếp cận giáo dục và được tạo điều kiện để học tập bình đẳng trong các trường tiểu học.

Nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục nghề nghiệp, đáp ứng nhu cầu thị trường lao động cả về số lượng và chất lượng. Năm 2020, đào tạo nghề cho 25.550 người, nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 67%, trong đó, tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 50% (đạt 100% kế hoạch).

5. Đạt được bình đẳng về giới; tăng quyền và tạo cơ hội cho phụ nữ và trẻ em gái

Công tác chăm sóc trẻ em, bình đẳng giới và hoạt động của Ban Chỉ đạo vì sự tiến bộ của phụ nữ các cấp được quan tâm thực hiện đúng hướng. Triển khai Tháng hành động vì bình đẳng giới và phòng, chống bạo lực trên cơ sở giới; tổ chức Toạ đàm nữ cán bộ chủ chốt cấp tỉnh và mở 02 lớp bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác bình đẳng giới và vì sự tiến bộ phụ nữ với 200 đại biểu tham dự. Tổ chức Diễn đàn trẻ em cấp tỉnh với chủ đề “Chung tay bảo vệ trẻ em, phòng chống xâm hại trẻ em” có 118 em tham gia; triển khai hoạt động mô hình phòng ngừa, trợ giúp trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt¹; tổ chức Tháng hành động vì trẻ em, đã tặng 140 phần quà, khám bệnh, cấp thuốc miễn phí cho gần 1.000 trẻ em và phụ nữ mang thai có hoàn cảnh khó khăn, trị giá 174 triệu đồng; vận động các nhà hảo tâm tặng đồ dùng học tập và quà cho 2.142 trẻ em có hoàn cảnh khó khăn với tổng kinh phí gần 1,08 tỷ đồng.

6. Đảm bảo đầy đủ và quản lý bền vững tài nguyên nước và hệ thống vệ sinh cho tất cả mọi người

Công tác quản lý tài nguyên nước tiếp tục có chuyển biến tích cực. Đã cấp 47 giấy phép tài nguyên nước, 07 công trình khai thác nước mặt, nước dưới đất phải lập vùng bảo hộ khu vực lấy nước sinh hoạt; phê duyệt 25 hồ sơ tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước; tăng cường quản lý nguồn nước trong các tháng cao điểm mùa khô, đã triển khai cung cấp nước sinh hoạt cho người dân xã Nam Thái, huyện An

¹ Mô hình “Hỗ trợ, can thiệp giảm thiểu lao động trẻ em”; mô hình “Ngôi nhà an toàn” 10 xã; 04 lớp dạy bơi; mô hình “Câu lạc bộ quyền trẻ em” ở huyện Vĩnh Thuận. Thực hiện Mô hình “hỗ trợ trẻ em khuyết tật tiếp cận các dịch vụ bảo vệ, chăm sóc trẻ em tại cộng đồng” tại 02 xã huyện Giồng Riềng.

Biên, công trình khai thác nước ngầm, công suất 400 m³/ngày đêm; triển khai thi công giếng chống hạn tại xã Đông Hòa, huyện An Minh. Đồng thời, tiếp nhận kinh phí hỗ trợ chống hạn, các lỗ khoan thuộc các dự án do Trung ương đầu tư có liên quan đến tỉnh² để triển khai công tác chống hạn, thiếu nước tại các vùng khan hiếm nước trên địa bàn tỉnh. Tỷ lệ dân số đô thị sử dụng nước sạch đạt 88% (giảm 10% so với kế hoạch và tăng 1,8% so với cùng kỳ); tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 98,9% (tăng 8,9% so với kế hoạch).

7. Đảm bảo khả năng tiếp cận nguồn năng lượng bền vững, đáng tin cậy và có khả năng chi trả cho tất cả mọi người

Tình hình cung cấp điện trên địa bàn tỉnh ổn định, đảm bảo đủ điện phục vụ cho sản xuất, kinh doanh và sinh hoạt cho người dân; tỉ lệ hộ sử dụng điện đạt 99,5% (tăng 0,5% so với kế hoạch); đã đầu tư phát triển lưới điện gồm 270km trung thế, 343km hạ thế và 93.000KVA trạm biến áp. Bên cạnh đó, tỉnh đã đề xuất Bộ Công Thương bổ sung quy hoạch điện cho các dự án năng lượng tái tạo gồm: 03 dự án điện mặt trời, tổng công suất 125 MWP; 01 dự án điện gió, công suất 100 MW; 01 dự án điện rác thải 10MW. Đến nay đã có 2.256 hộ đầu tư năng lượng mặt trời trên mái nhà, tổng công suất là 58MWP; 204 dự án nông nghiệp lắp đặt điện mặt trời mái nhà, tổng công suất 193MWP. Tiếp tục thực hiện sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trên địa bàn tỉnh; đến năm 2020, điện thương phẩm toàn tỉnh đạt 2,611 triệu kWh, chỉ tăng 3,7% so với năm trước (do ảnh hưởng dịch COVID19) và thấp hơn kế hoạch 70% (theo quy hoạch tăng điện thương phẩm 12,4%/năm).

8. Đảm bảo tăng trưởng kinh tế bền vững, toàn diện, liên tục; tạo việc làm đầy đủ, năng suất và việc làm tốt cho tất cả mọi người

Năm 2020, do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 và các biện pháp giãn cách xã hội để phòng, chống, đã tác động đến kinh tế, giao thương kinh tế gặp nhiều khó khăn. Tuy nhiên, nhờ kiên định trong thực hiện “mục tiêu kép” theo chỉ đạo của Chính phủ, tình hình kinh tế - xã hội tỉnh vẫn duy trì được tính ổn định và có bước phát triển so với cùng kỳ. Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) theo giá so sánh 2010 tăng 3,05%. Cơ cấu kinh tế tiếp tục có sự chuyển dịch đúng hướng: Khu vực nông nghiệp chiếm tỷ trọng 32,74%; khu vực công nghiệp - xây dựng chiếm 20,65%; khu vực dịch vụ chiếm 42,67%; thuế nhập khẩu, thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm 3,95% trong GRDP. Tổng thu nhập bình quân đầu người ước 2.418 USD/người/năm.

- Sản xuất nông nghiệp: Tiếp tục thực hiện có hiệu quả tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới; phát triển hợp tác liên kết theo chuỗi giá trị được nhân rộng³. Đẩy mạnh áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, cơ giới

² Dự án “Thu nước mưa để cung cấp nước bền vững”; khoan 120 giếng nước thuộc các xã tại huyện Châu Thành, Gò Quao và U Minh Thượng do tổ chức Associazione ACTI Esperance (Thụy Sĩ) viện trợ.

³ Trong năm, triển khai thực hiện xây dựng cánh đồng lớn gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm được 44 cánh đồng lớn, nâng tổng số lên 100 cánh đồng với diện tích canh tác 30.672 ha.

hóa và công nghệ sau thu hoạch trong sản xuất, giúp giảm chi phí, giá bán nông sản tăng, nông dân được mùa. Thủy sản phát triển thuận lợi, đảm bảo nguồn cung dồi dào và giá bán ổn định. Giá trị sản xuất nông, lâm, thủy sản tăng 3,34% so cùng kỳ.

- Sản xuất công nghiệp: Các doanh nghiệp trên địa bàn đã khắc phục những khó khăn do ảnh hưởng của dịch Covid-19, duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh tương đối ổn định. Năm 2020, đã hỗ trợ 05 đề án với tổng kinh phí là 01 tỷ đồng⁴; hỗ trợ 300 triệu đồng ứng dụng máy móc tiên tiến vào sản xuất sản phẩm thủ công mỹ nghệ từ gỗ bạng của Công ty TNHH Thảo Điền Phú Mỹ huyện Giang Thành. Trong năm, có 04/07 hồ sơ của 06 cơ sở, doanh nghiệp được bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp khu vực⁵; từ đó củng cố và phát triển thêm nhiều cơ sở, doanh nghiệp sản xuất kinh doanh có hiệu quả. Tiếp tục triển khai Quyết định số 76/QĐ-TTg ngày 11/01/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình hành động quốc gia về sản xuất và tiêu dùng bền vững đến năm 2020 tầm nhìn đến năm 2030. Giá trị sản xuất công nghiệp tăng 5,61% so với cùng kỳ.

- Thương mại, dịch vụ: Là khu vực chịu ảnh hưởng nặng nề từ dịch Covid-19, tỉnh đã kịp thời triển khai thực hiện các giải pháp vừa thúc đẩy sản xuất kinh doanh vừa phòng, chống dịch có hiệu quả, tình hình hoạt động thương mại, dịch vụ tiêu dùng bắt đầu khôi phục và tăng nhẹ so với năm trước. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ ước thực hiện 110.827 tỷ đồng (tăng 2,41% so với cùng kỳ). Các doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản trong tỉnh vẫn duy trì được các thị trường xuất khẩu truyền thống (Nhật Bản, EU, Hoa Kỳ, Hàn Quốc, Đài Loan, Trung Đông...) đồng thời tiếp tục mở rộng thêm các thị trường mới ở các nước Châu Á. Đặc biệt, Hiệp định EVFTA có hiệu lực sẽ giúp các doanh nghiệp tận dụng cơ hội để tăng trưởng xuất khẩu vào thị trường Châu Âu trong thời gian tới. Kim ngạch xuất khẩu đạt 700 triệu USD (tăng 2,83% so với cùng kỳ); kim ngạch nhập khẩu 120 triệu USD (giảm 12,35% so với cùng kỳ). Triển khai Chương trình kích cầu du lịch nội địa; liên kết với các Công ty lữ hành xây dựng các chương trình tham quan du lịch nội tỉnh; hỗ trợ giảm giá điện cho 267 cơ sở lưu trú du lịch nhằm tháo gỡ khó khăn cho cơ sở để sớm khôi phục lại hoạt động du lịch. Tổng lượt khách đến tham quan du lịch ước 5.206.720 lượt khách (giảm 40,7% so với cùng kỳ); trong đó, khách quốc tế đạt 184.953 lượt khách (giảm 74,1% so với cùng kỳ); doanh thu du lịch 7.867 tỷ đồng (giảm 57,7% so với cùng kỳ).

⁴ (1) Hỗ trợ 300 triệu đồng ứng dụng máy móc tiên tiến vào sản xuất của nhôm kính của HKD Đỗ Thành Nhân tại huyện Gò Quao; (2) Hỗ trợ 115.500.000đ ứng dụng máy móc tiên tiến vào sản xuất các sản phẩm thủ công mỹ nghệ từ gỗ của HKD Ba Mẹo huyện Gò Quao; (3) Hỗ trợ 300 triệu đồng ứng dụng máy móc tiên tiến vào sản xuất các sản phẩm thủ công mỹ nghệ từ gỗ công nghiệp của Công ty TNHH Mạnh Thế Phát TP Rạch Giá; (4) Hỗ trợ 50 triệu đồng đầu tư phòng trưng bày, giới thiệu quảng bá SPCNNTTB cấp khu vực của Công ty TNHH MTV sản xuất thương mại HPQ Phú Quốc; (5) Hỗ trợ 295 triệu đồng ứng dụng máy móc tiên tiến vào sản xuất gạo lúa mùa truyền thống cho Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Đặc sản vùng miền Lê Gia huyện Châu Thành.

⁵ Gồm: (1) Bánh tráng Mạnh Tài của HKD sản xuất bánh tráng Mạnh Tài ở huyện Giồng Riềng; (2) Bộ sản phẩm nước mắm Thanh Quốc: Nước mắm 35 độ đậm, 40 độ đậm và 43 độ đậm của DNTN cơ sở khai thác chế biến hải sản Thanh Quốc ở huyện Phú Quốc; (3) Bộ sản phẩm từ composite: Chết, vỏ lãi, xuồng Phúc Vinh của HKD Phạm Văn Khoa ở huyện Vĩnh Thuận; (4) Dianamo phát điện của HKD Cơ điện Hoàng Văn ở TP Rạch Giá (theo Quyết định số 82/QĐ-CTĐP ngày 21/8/2020 của Cục Công Thương địa phương).

- Quá trình chuyển dịch cơ cấu lao động diễn ra hàng năm với tốc độ khá nhanh; lực lượng lao động đang chuyển dần từ khu vực nông - lâm - ngư nghiệp sang công nghiệp - xây dựng và dịch vụ, từ khu vực nông thôn sang thành thị. Thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ tạo việc làm, nhất là hỗ trợ cho lao động nông nghiệp, các nhóm lao động yếu thế như người khuyết tật, người nghèo, người dân tộc thiểu số, vùng sâu vùng xa như: Tư vấn, giới thiệu việc làm, hợp đồng lao động đi làm việc nước ngoài; tư vấn tuyển sinh học nghề; vay vốn ưu đãi từ quỹ quốc gia về việc làm và các nguồn tín dụng khác... Hiện nay, tỷ lệ thất nghiệp và thiếu việc làm có xu hướng giảm dần. Trong đó, tỷ lệ thất nghiệp giảm còn 3,55%.

9. Xây dựng cơ sở hạ tầng có khả năng chống chịu cao, thúc đẩy công nghiệp hóa bao trùm và bền vững, tăng cường đổi mới

Tập trung huy động mọi nguồn lực, thu hút tối đa và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đầu tư phát triển, đặc biệt xây dựng hoàn chỉnh hệ thống giao thông vận tải đồng bộ, hiện đại, liên kết các phương thức vận tải giữa đô thị và nông thôn trên phạm vi toàn tỉnh. Khai thác có hiệu quả kết cấu hạ tầng giao thông vận tải hiện có; đã triển khai xây dựng và hoàn thành dự án đường Lộ Tẻ - Rạch Sỏi dài 52 km, cầu Vàm Rầy trên Quốc lộ 80; khai thác tuyến nhánh An Thới - Cửa Lấp dài 02 km; cải tạo nâng cấp đường tỉnh ĐT.971, đường Nam Thái Sơn (ĐT.969); bên cạnh đó, tập trung nguồn lực cho các dự án hạ tầng giao thông trọng điểm, tạo động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh như đường ven Sông Cái Lớn (đi qua An Biên - U Minh Thượng - Vĩnh Thuận và một phần Gò Quao), đường Thới Hai Cộng sự (An Biên và U Minh Thượng), đường 3/2 nối dài, đường Dương Đông - Cửa cạn - Gành dầu; nâng cấp, mở rộng Cảng hàng không Rạch Giá, Cảng hàng không quốc tế Phú Quốc... Trong năm, khối lượng hàng hóa luân chuyển đạt 1.790 triệu tấn/km (đạt 88,2% kế hoạch, giảm 3,1% so với cùng kỳ); số lượt hành khách luân chuyển 5.031 triệu lượt người/km (đạt 98,7% kế hoạch, giảm 17,37% so với cùng kỳ).

Các công trình hạ tầng thuộc lĩnh vực văn hóa - xã hội được quan tâm đầu tư. Thực hiện rà soát, sắp xếp lại các đơn vị trường học đảm bảo đúng lộ trình và phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương; công tác xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia được đẩy mạnh; toàn tỉnh hiện có 297 trường đạt chuẩn quốc gia (tăng 20 trường so với năm học trước). Mạng lưới y tế được củng cố và phát triển; cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế được chú trọng đầu tư; đến nay toàn tỉnh có 185 cơ sở y tế (21 bệnh viện (kể cả bệnh viện tư nhân và trung tâm y tế 2 chức năng; 164 trạm y tế/phòng khám đa khoa tư nhân), với 6.172 giường bệnh, đặc biệt đã hoàn thành, đưa vào sử dụng Bệnh viện Sản - Nhi và dần phát huy tác dụng. Hạ tầng công nghệ thông tin được quan tâm đầu tư; triển khai và đưa vào vận hành Trung tâm Giám sát an toàn, an ninh mạng và điều hành các hệ thống thông tin tỉnh Kiên Giang. Hạ tầng bưu chính, viễn thông được triển khai đồng bộ, có 100% xã, phường có điểm phục vụ bưu chính, mật độ thuê bao điện thoại (bao gồm cả cố định và di động) đạt 110,9 thuê bao/100 dân, tỷ lệ dân số được phủ sóng thông tin di động 4G đạt 96%, dịch vụ



truy nhập Internet băng rộng đạt 75,8 thuê bao/100 dân (trong đó internet băng rộng cố định đạt 17,6 thuê bao/100 dân)... về cơ bản đã đáp ứng được nhu cầu thông tin, liên lạc trong quản lý, kinh doanh và đời sống xã hội.

10. Giảm bất bình đẳng trong xã hội

Các chính sách an sinh xã hội được triển khai kịp thời; quan tâm chăm lo cho các gia đình chính sách, người có công với cách mạng, nhất là các chính sách hỗ trợ phát triển nhà ở, tính đến ngày 30/11/2020 đã thực hiện 854/933 căn, trong đó, xây mới 337/378 căn, sửa chữa 517/555 căn; thực hiện chi hỗ trợ cho 52.723 đối tượng bảo trợ xã hội, với tổng kinh phí 235 tỷ đồng, trong đó đối tượng hưởng trợ cấp xã hội là 52.447 người, kinh phí 232,3 tỷ đồng; đối tượng tại cơ sở bảo trợ xã hội là 276 người, kinh phí 2,6 tỷ đồng; tổ chức triển khai 14 lớp, với 1.700 người được huấn luyện an toàn lao động và tiếp thu tuyên truyền phổ biến pháp luật lao động, tiền lương tối thiểu vùng cho người lao động và người sử dụng lao động. Tăng cường quản lý, giáo dục và dạy nghề cho các đối tượng mại dâm, cai nghiện ma túy, giúp họ tái hòa nhập cộng đồng, ổn định cuộc sống. Tiếp tục thực hiện các giải pháp mở rộng diện bao phủ, phát triển đối tượng tham gia và nâng cao hiệu quả thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp; tỷ lệ tham gia bảo hiểm xã hội đạt 12,51% lực lượng lao động, trong đó, bảo hiểm xã hội bắt buộc đạt 11,2% lực lượng lao động, bảo hiểm xã hội tự nguyện đạt 2,31% lực lượng lao động; tỷ lệ tham gia bảo hiểm thất nghiệp đạt 9% lực lượng lao động.

11. Phát triển đô thị, nông thôn bền vững, có khả năng chống chịu; đảm bảo môi trường sống và làm việc an toàn; phân bổ hợp lý dân cư và lao động theo vùng

Các đồ án quy hoạch được lập, thẩm định, trình phê duyệt đảm bảo các tiêu chuẩn, quy chuẩn theo quy định; hệ thống các quy hoạch cấp tỉnh, cấp huyện cơ bản được đầy đủ; các địa phương đã có quy hoạch chung, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết tạo thuận lợi trong việc quản lý xây dựng theo quy hoạch, định hướng phát triển không gian, kiến trúc; tỷ lệ đô thị hóa toàn tỉnh đạt 28,76%; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom, xử lý đạt tiêu chuẩn đạt 90,87%, tăng 0,87% so kế hoạch.

Dịch vụ vận tải ngày càng được đổi mới, ứng dụng công nghệ trong công tác quản lý, chất lượng ngày càng tốt hơn, đáp ứng nhu cầu xã hội. Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 155 đơn vị vận tải, với 9.862 phương tiện vận chuyển hành khách và hàng hóa; trong đó, có 5 đơn vị hoạt động kinh doanh vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt, với 74 phương tiện, trung bình có 448 lượt/ngày. Thực hiện chính sách miễn giảm giá vé, giá dịch vụ giao thông công cộng đối với người khuyết tật, trẻ em theo quy định; bảo đảm tất cả các công trình, dự án giao thông công cộng tuân thủ quy chuẩn, tiêu chuẩn tiếp cận cho người khuyết tật.

Công tác xây dựng nông thôn mới được triển khai thực hiện quyết liệt; thường xuyên kiểm tra, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các tiêu chí chưa đạt và củng cố, nâng cao chất lượng các tiêu chí đã đạt chuẩn; trong năm đã công nhận thêm 15/15 xã đạt chuẩn nông thôn mới, lũy kế đến nay đạt 79/117 xã và huyện Tân Hiệp đạt chuẩn nông thôn mới; bình quân toàn tỉnh ước đạt 16,86 tiêu chí/xã; đang trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt xét công nhận 02 huyện Gò Quao và Giồng Riềng đạt chuẩn nông thôn mới.

12. Đảm bảo mô hình sản xuất và tiêu dùng bền vững

Nâng cao nhận thức của cộng đồng và xã hội về sản xuất và tiêu dùng bền vững thông qua các phương tiện thông tin đại chúng và truyền thông. Tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về sử dụng tiết kiệm và hiệu quả năng lượng trong sản xuất và sinh hoạt, tuyên truyền hưởng ứng chiến dịch Giờ trái đất năm 2020; tuyên truyền người dân đầu tư năng lượng mặt trời trên mái nhà, hỗ trợ hướng dẫn các nhà đầu tư nghiên cứu các dự án năng lượng tái tạo trên địa bàn tỉnh.

Tiếp tục xây dựng và thực hiện các tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa, vệ sinh an toàn thực phẩm; tổ chức 05 lớp tập huấn nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, thích ứng biến đổi khí hậu và phương pháp lấy mẫu, lưu mẫu trong thanh tra, kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm với hơn 500 người tham dự.

Thực hiện có hiệu quả kết nối sản xuất nông nghiệp với công nghệ chế biến, bảo quản và tiêu thụ nông sản theo chuỗi giá trị; xây dựng sản xuất an toàn và bền vững.

Đẩy mạnh phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng thương mại theo hướng hiện đại và đều khắp các vùng trên địa bàn tỉnh (các trung tâm thương mại, siêu thị của hàng tiện lợi được đầu tư mới, các chợ truyền thống được chỉnh trang...) đảm bảo lưu thông hàng hóa thông suốt từ thành thị đến nông thôn, biên giới, hải đảo.

13. Ứng phó kịp thời, hiệu quả với biến đổi khí hậu và thiên tai

Triển khai thực hiện Kế hoạch số 211-KH/TU ngày 11/06/2020 của Tỉnh ủy thực hiện Kết luận số 56-KL/TW, ngày 23-8-2019 của Bộ Chính trị về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường; Kế hoạch số 148/KH-UBND ngày 28/10/2019 của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 120/NQ-CP ngày 17/11/2017 của Chính phủ về phát triển bền vững Đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh. Thường xuyên theo dõi diễn biến chất lượng môi trường nước mặt, nước ngầm, tình hình khí tượng thủy văn. Tổ chức nhiều hoạt động tuyên truyền, các lớp tập huấn nhằm nâng cao nhận thức cộng đồng, năng lực ứng phó với biến đổi khí hậu. Đề xuất các chương trình, dự án của tỉnh nhằm ứng phó đến biến đổi khí hậu đến đại sứ quán Ấn Độ, Đan Mạch. Xây dựng các chỉ tiêu lồng ghép nội dung phòng chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu vào quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, phát triển kinh tế - xã hội tỉnh.

14. Bảo tồn và sử dụng bền vững đại dương, biển và nguồn lợi biển để phát triển bền vững

Triển khai các giải pháp chống khai thác hải sản bất hợp pháp, tuân tra, kiểm soát, ngăn chặn và xử lý nghiêm các vi phạm quy định quản lý khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản; rà soát tàu cá chưa đăng ký nhằm tháo gỡ khó khăn vướng mắc trong quản lý tàu cá theo quy định; đẩy nhanh tiến độ lắp đặt đồng thời rà soát đối với những trường hợp mất kết nối thiết bị giám sát hành trình, tiến hành xử lý nghiêm theo quy định. Triển khai dự án điều tra các nghề khai thác vùng biển ven bờ và vùng lòng, đề xuất sắp xếp lại cơ cấu nghề khai thác vùng biển ven bờ và vùng lòng biển và dự án điều tra, khảo sát hiện trạng đa dạng sinh học và đề xuất điều chỉnh phạm vi, diện tích các phân khu chức năng trong khu bảo tồn biển Phú Quốc.

15. Bảo vệ và phát triển rừng bền vững, bảo tồn đa dạng sinh học, phát triển dịch vụ hệ sinh thái, chống sa mạc hóa, ngăn chặn suy thoái và phục hồi tài nguyên đất

Công tác quản lý bảo vệ, phát triển rừng có hiệu quả và bền vững; diện tích rừng và đất lâm nghiệp hiện có theo mục tiêu quy hoạch và quy chế quản lý rừng; thúc đẩy sinh trưởng, nâng cao chất lượng và giá trị đa dạng của rừng. Tổng diện tích rừng trên toàn tỉnh hiện có 60.916,8 ha. Theo quy hoạch 3 loại rừng gồm rừng đặc dụng 39.786,27 ha, rừng phòng hộ 31.358,02 ha, rừng sản xuất 11.507 ha; tỷ lệ che phủ rừng đạt 12%, đạt 100% kế hoạch; đảm bảo chức năng phòng hộ, bảo vệ môi trường sinh thái, phục vụ nghiên cứu khoa học, ứng phó với biến đổi khí hậu, góp phần giảm nghèo và đảm bảo an ninh quốc phòng. Ưu tiên bảo vệ và phát triển rừng đặc dụng, rừng phòng hộ hiện có nhằm bảo tồn các nguồn gen động vật, thực vật rừng và phát triển bền vững các hệ sinh thái rừng; nâng cao chất lượng và giá trị các loại rừng; giảm thiểu các vi phạm vào tài nguyên rừng. Triển khai giao khoán bảo vệ rừng được 9.308 ha, khoanh nuôi tái sinh 390 ha; chăm sóc rừng trồng 1.701,8 ha; trồng rừng được 734 ha; trồng 2,95 triệu cây phân tán các loại.

Công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được công bố, công khai theo đúng quy định. Tình hình thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, xác nhận đăng ký giao dịch bảo đảm, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được quan tâm thực hiện. Thông tin rộng rãi bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2020-2024. Công tác cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân từng bước thực hiện khá tốt giảm phiền hà cho Nhân dân, trong năm đã cấp 34.438 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

16. Thúc đẩy xã hội hòa bình, công bằng, bình đẳng vì phát triển bền vững, tạo khả năng tiếp cận công lý cho tất cả mọi người; xây dựng các thể chế hiệu quả, có trách nhiệm giải trình và có sự tham gia ở các cấp



Đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật; hòa giải ở cơ sở; chuẩn tiếp cận pháp luật phù hợp với từng nhóm đối tượng và địa bàn. Qua đó, nâng cao nhận thức và ý thức chấp hành pháp luật của người dân; trong năm, đã tổ chức 40.386 cuộc tuyên truyền trực tiếp với 1.158.264 lượt người tham dự, biên soạn in và cấp phát 1.932.060 tài liệu miễn phí. Chất lượng hòa giải ở cơ sở được nâng cao, đảm bảo tất cả mọi người, đặc biệt người nghèo, người dễ bị tổn thương có quyền như nhau đối với nguồn lực kinh tế, dịch vụ cơ bản; trong năm đã tiếp nhận 4.030 vụ việc, đã tổ chức hòa giải 3.975 vụ việc, hòa giải thành 3.318 vụ việc (đạt 83,5%, tăng 0,6% so với cùng kỳ); nhận thức Nhà nước về pháp quyền, quyền tiếp cận công lý bình đẳng, quyền tự do cơ bản của công dân ngày càng được nâng lên; hiện nay, toàn tỉnh đã xây dựng 1.859 tủ sách pháp luật, ngân sách pháp luật, có 964.783 đầu sách tại xã, phường, thị trấn, cơ quan, trường học, ấp, khu phố, trong đó, có 12 tủ sách tại các ấp đặc biệt khó khăn thuộc xã khu vực III (87 đầu sách/tủ); có 140 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

Tiếp tục thực hiện rà soát ban hành 12 văn bản quy phạm pháp luật, nhằm đảm bảo quyền bình đẳng của mọi công dân tiếp cận các dịch vụ cơ bản, quyền sử dụng đất đai và tài nguyên thiên nhiên, quyền sở hữu và kiểm soát các dạng tài sản khác.

Thực hiện tốt công tác hướng dẫn, đăng ký và quản lý hộ tịch; trong năm, đã đăng ký khai sinh cho trẻ em 32.841 trường hợp (trong đó 5.638 trẻ em sinh ra trong năm 2020 và 9.792 trẻ em sinh ra trước năm 2020 dưới 5 tuổi được đăng ký khai sinh).

Công tác phòng, chống tham nhũng được quan tâm chỉ đạo thực hiện; tuyên truyền, phổ biến, quán triệt các văn bản của Đảng, pháp luật của Nhà nước, trọng tâm là Luật Phòng, chống tham nhũng, Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 và các văn bản chỉ đạo của Trung ương, Tỉnh ủy. Tăng cường công tác thanh, kiểm tra, phát hiện và xử lý nghiêm các hành vi tham nhũng, lãng phí; đã thực hiện 139 cuộc thanh tra, qua đó đã phát hiện vi phạm 33,7 tỷ đồng, thu nộp ngân sách nhà nước 7 tỷ đồng; kiểm điểm rút kinh nghiệm 158 tập thể, 246 cá nhân; kỷ luật 26 cá nhân; kiểm điểm trách nhiệm 8 cá nhân.

17. Tăng cường phương thức thực hiện và thúc đẩy đối tác toàn cầu vì sự phát triển bền vững

Đẩy mạnh xúc tiến đầu tư trong và ngoài nước, huy động các nguồn lực ngoài ngân sách nhà nước cho đầu tư phát triển. Trong năm, tiếp làm việc với nhiều đoàn lãnh đạo chính quyền địa phương, cơ quan đại diện nước ngoài (như đoàn Phó Tỉnh trưởng tỉnh Ustecky - CH Séc, đoàn Đại sứ Israel, các đoàn lãnh đạo các tỉnh/thành phố và Campuchia giáp biên và các đơn vị lực lượng vũ trang Campuchia...); thực hiện một số công tác ngoại giao kinh tế - văn hóa khác. Các thỏa thuận quốc tế được triển khai thực hiện đạt kết quả trên các lĩnh vực thủy sản, thương mại, an ninh, phòng chống tội phạm; cam kết viện trợ phi chính phủ nước ngoài đạt trên 400.000



USD (tăng 34% so với cùng kỳ). Thực hiện kịp thời công tác bảo hộ công dân và biên giới lãnh thổ quốc gia, đặc biệt là phối hợp hiệu quả phòng chống dịch Covid-19 tại các địa phương giáp biên giới.

III. TỒN TẠI, HẠN CHẾ

- Một số cơ quan, đơn vị, địa phương chưa vào cuộc một cách quyết liệt, chưa phối hợp chặt chẽ trong việc triển khai thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu phát triển bền vững đã đề ra.

- Nguồn vốn đầu tư chưa đáp ứng trong khi nhu cầu còn rất lớn; việc huy động các nguồn lực từ Nhân dân và các thành phần kinh tế để thực hiện chương trình gặp nhiều khó khăn... do đó, đã ảnh hưởng rất lớn đến việc thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững của tỉnh.

Trên đây là tình hình thực hiện kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững năm 2020 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ngành thuộc UBND tỉnh;
- LĐVP; CVNC;
- Lưu: VT, btkien. (01b)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Chín

KIÊN GIANG